

Số: 1257/QĐ-BLĐTBXH

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch tổng thể triển khai thực hiện
Chương trình trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2021-2030**

BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Căn cứ Nghị định số 62/2022/NĐ-CP ngày 12/09/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 1190/QĐ-TTg ngày 05/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2021-2030;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Bảo trợ xã hội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Kế hoạch tổng thể triển khai thực hiện Chương trình trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2021-2030.

Điều 2. Các cơ quan, đơn vị liên quan theo nhiệm vụ, trách nhiệm được quy định tại Quyết định này, hàng năm, chỉ đạo và tổ chức thực hiện bảo đảm mục tiêu, tiến độ đã đề ra; gửi báo cáo kết quả về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Điều 3. Giao Cục Bảo trợ xã hội là đơn vị đầu mối, chịu trách nhiệm đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra và trực tiếp phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch và tổng hợp tình hình, báo cáo Bộ theo quy định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Bảo trợ xã hội, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, ngành có liên quan;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở LĐTBXH các tỉnh, thành phố trực thuộc TW (để theo dõi);
- Công TTĐT Bộ LĐTBXH;
- Lưu: VT, Cục BTXH.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Văn Hồi



BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**KẾ HOẠCH TỔNG THỂ
TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH TRỢ GIÚP NGƯỜI
KHUYẾT TẬT GIAI ĐOẠN 2021-2030**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1257/QĐ-BLĐTBXH ngày 12 tháng 8 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)*

Quyết định số 1190/QĐ-TTg ngày 05/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2021-2030 (sau đây gọi tắt là Chương trình) đã đề ra mục tiêu:

Góp phần thực hiện Công ước của Liên hợp quốc về quyền của người khuyết tật và Luật người khuyết tật nhằm cải thiện chất lượng cuộc sống của người khuyết tật; tạo điều kiện để người khuyết tật tham gia bình đẳng vào các hoạt động của xã hội; xây dựng môi trường không rào cản bảo đảm quyền lợi hợp pháp của người khuyết tật và hỗ trợ người khuyết tật phát huy khả năng của mình.

Để triển khai hiệu quả Chương trình, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các bộ, ngành liên quan ban hành Kế hoạch tổng thể triển khai thực hiện Chương trình với những nội dung chính sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Việc ban hành Kế hoạch tổng thể triển khai thực hiện Chương trình được xây dựng trên cơ sở bám sát quan điểm, mục tiêu nêu trong Quyết định số 1190/QĐ-TTg ngày 05/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2021-2030.

2. Kế hoạch nhằm cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp đã nêu trong Chương trình bằng những nhiệm vụ, giải pháp thiết thực gắn với kế hoạch tổ chức thực hiện của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các bộ, ngành có liên quan, theo lộ trình cụ thể để tháo gỡ những khó khăn nhằm đạt được mục tiêu của Chương trình. Kế hoạch là căn cứ để các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố xây dựng chương trình, kế hoạch hành động của từng bộ, ngành và địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao và tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả, phấn đấu đạt được các mục tiêu cao nhất đã đề ra tại Chương trình.

3. Phát huy vai trò chủ động, sự phối hợp đồng bộ giữa các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan trên cơ sở phân công, phân nhiệm rõ ràng; hoàn thiện thể chế, bổ sung cơ chế, chính sách; phát huy và phân bổ nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ và bảo đảm đạt các mục tiêu đã đề ra.

II. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI

1. Đối tượng: Người khuyết tật, ưu tiên người khuyết tật có hoàn cảnh khó khăn; hộ gia đình có người khuyết tật; các tổ chức của và vì người khuyết tật và các cơ quan, tổ chức có liên quan đến người khuyết tật.

2. Phạm vi: Kế hoạch tổng thể triển khai thực hiện Chương trình được thực hiện trên phạm vi toàn quốc.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Để đạt được các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể của Chương trình, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố tập trung chỉ đạo thực hiện các nhóm nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

1. Nhận thức đúng, đầy đủ về bản chất, vị trí, vai trò và tầm quan trọng của người khuyết tật, công tác bảo vệ, chăm sóc, hỗ trợ người khuyết tật

1.1. Nội dung thực hiện

a) Tạo chuyển biến và thống nhất trong nhận thức về người khuyết tật, công tác bảo vệ, chăm sóc, hỗ trợ người khuyết tật;

b) Các bộ, ngành, địa phương phối hợp với cơ quan thông tấn báo chí, tăng cường truyền thông, nâng cao nhận thức về người khuyết tật theo đúng quy định tại điểm a, khoản 12, mục II, Điều 1 của Quyết định số 1190/QĐ-TTg ngày 05/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2021-2030 và Kế hoạch tổng thể thực hiện Chương trình với quy mô phù hợp. Xây dựng nội dung và phương pháp tuyên truyền phù hợp với từng đối tượng, bảo đảm thiết thực và hiệu quả, hình thức đa dạng, phong phú;

c) Tuyên truyền, khuyến khích khơi dậy phong trào tham gia bảo vệ, chăm sóc, hỗ trợ người khuyết tật; kịp thời khen thưởng, tôn vinh và nhân rộng các mô hình, cá nhân hoạt động hiệu quả, tiêu biểu ở các địa phương.

1.2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện: Các bộ, ngành, địa phương.

1.3. Thời gian thực hiện: Hàng năm.

2. Trợ giúp y tế

2.1. Nội dung thực hiện:

a) Hoàn thiện hệ thống chính sách pháp luật về giám định khuyết tật, phục hồi chức năng và các chính sách bảo hiểm y tế cho người khuyết tật;

b) Thực hiện các dịch vụ phát hiện sớm những khiếm khuyết ở trẻ trước khi sinh và trẻ sơ sinh; tuyên truyền, tư vấn và cung cấp dịch vụ về chăm sóc sức khỏe sinh sản;

c) Phát triển mạng lưới cung cấp dịch vụ phát hiện sớm, can thiệp sớm khuyết tật, phục hồi chức năng và phẫu thuật chỉnh hình, cung cấp dụng cụ trợ giúp cho người khuyết tật;

d) Triển khai chương trình phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng.

2.2. *Trách nhiệm tổ chức thực hiện:* Bộ Y tế, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, các cơ quan liên quan và địa phương.

2.3. *Thời gian thực hiện:* Từ năm 2024 đến năm 2030.

3. Trợ giúp giáo dục

3.1. Nội dung thực hiện

a) Tiếp tục hoàn thiện các văn bản chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật, bảo đảm giáo dục bắt buộc và phổ cập giáo dục đối với người khuyết tật và thúc đẩy thực hiện chính sách ưu đãi đối với giáo viên, nhân viên tham gia giáo dục trẻ khuyết tật;

b) Nghiên cứu, xây dựng, phát triển chương trình học tập, học liệu giáo dục hỗ trợ cấp học mầm non và phổ thông đáp ứng nhu cầu đa dạng của người khuyết tật;

c) Tiếp tục triển khai việc nội dung giáo dục hòa nhập và giáo dục đối với người khuyết tật vào các chương trình đào tạo giáo viên đối với các trường đại học, cao đẳng có đào tạo ngành sư phạm;

d) Xây dựng tài liệu và tổ chức tập huấn cho giáo viên, cán bộ quản lý, nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật cấp học mầm non và phổ thông về nghiệp vụ giáo dục đối với người khuyết tật;

đ) Phát triển các mô hình giáo dục đối với người khuyết tật, hệ thống các cơ sở giáo dục đối với người khuyết tật hoạt động có hiệu quả từ trung ương đến địa phương phù hợp với nhu cầu đa dạng của người khuyết tật: phát hiện sớm, can thiệp giáo dục sớm, giáo dục đối với người khuyết tật trong các cơ sở giáo dục, giáo dục người khuyết tật tại gia đình và cộng đồng, giáo dục từ xa;

e) Rà soát, cập nhật, quản lý dữ liệu về nhu cầu giáo dục của người khuyết tật vào phần mềm quản lý hệ thống hỗ trợ giáo dục người khuyết tật.

3.2. *Trách nhiệm tổ chức thực hiện:* Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, các cơ quan liên quan và địa phương.

3.3. *Thời gian thực hiện:* Từ năm 2024 đến năm 2030.

4. Trợ giúp giáo dục nghề nghiệp, tạo việc làm và hỗ trợ sinh kế

4.1. Nội dung thực hiện

a) Rà soát và hoàn thiện văn bản hướng dẫn tổ chức đào tạo nghề, tạo việc làm đối với người khuyết tật; thống kê, đánh giá các cơ sở đào tạo nghề đối với người khuyết tật và nhu cầu học nghề của người khuyết tật;

b) Xây dựng kế hoạch và tổ chức đào tạo nghề đối với người khuyết tật linh hoạt về thời gian, địa điểm, tiến độ đào tạo phù hợp với nghề đào tạo, hình thức đào tạo thông qua các cơ sở đào tạo nghề, doanh nghiệp hoặc các tổ chức

của người khuyết tật; các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ có sử dụng lao động là người khuyết tật hoặc của người khuyết tật;

c) Nhân rộng mô hình hỗ trợ sinh kế đối với người khuyết tật; xây dựng mô hình hỗ trợ người khuyết tật khởi nghiệp; mô hình đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm đối với người khuyết tật; mô hình hợp tác xã có người khuyết tật tham gia chuỗi giá trị sản phẩm;

d) Ưu tiên thanh niên khuyết tật khởi nghiệp, phụ nữ khuyết tật, người khuyết tật và các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng nhiều lao động là người khuyết tật được vay vốn ưu đãi để tạo việc làm và mở rộng việc làm.

4.2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ngân hàng chính sách xã hội, Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Liên minh hợp tác xã Việt Nam, các cơ quan liên quan và địa phương.

4.3. Thời gian thực hiện: Từ năm 2024 đến năm 2030.

5. Phòng chống dịch bệnh và giảm nhẹ thiên tai

5.1. Nội dung thực hiện:

a) Xây dựng tài liệu và tổ chức tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác trợ giúp người khuyết tật, người khuyết tật và tổ chức của người khuyết tật trong phòng chống dịch bệnh và giảm nhẹ thiên tai;

b) Xây dựng mô hình phòng chống dịch bệnh và giảm nhẹ thiên tai bảo đảm khả năng tiếp cận đối với người khuyết tật;

c) Ứng dụng công nghệ, thiết bị chuyên dụng giúp người khuyết tật nhận thông tin cảnh báo sớm để ứng phó với dịch bệnh và thiên tai.

5.2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, các cơ quan liên quan và địa phương.

5.3. Thời gian thực hiện: Từ năm 2024 đến năm 2030.

6. Trợ giúp tiếp cận công trình xây dựng

6.1. Nội dung thực hiện

a) Đẩy mạnh các biện pháp thực thi Bộ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếp cận các công trình xây dựng trong các công tác thẩm tra, thẩm định, nghiệm thu, thanh tra, kiểm tra trong hoạt động xây dựng;

b) Rà soát, bổ sung, chỉnh sửa đồng bộ hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về xây dựng bảo đảm tiếp cận sử dụng các công trình công cộng và nhà chung cư; xây dựng tài liệu hướng dẫn bảo đảm người khuyết tật tiếp cận các công trình xây dựng hiện hữu;

c) Nghiên cứu thúc đẩy các giải pháp trợ giúp tiếp cận các công trình xây dựng; xây dựng các tài liệu minh họa, hướng dẫn thực hiện, giáo trình giảng dạy

về thiết kế tiếp cận các công trình xây dựng trong công tác đào tạo, tập huấn và nâng cao nhận thức của cộng đồng.

6.2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện: Bộ Xây dựng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, các cơ quan liên quan và địa phương.

6.3. Thời gian thực hiện: Từ năm 2024 đến năm 2030.

7. Trợ giúp tiếp cận và tham gia giao thông

7.1. Nội dung thực hiện

a) Nghiên cứu, xây dựng và ban hành bộ tiêu chí giao thông tiếp cận phổ quát đối với hệ thống giao thông;

b) Nghiên cứu, biên soạn và phát hành Sổ tay thiết kế công trình giao thông tiếp cận đối với hệ thống giao thông để hướng dẫn các địa phương áp dụng trong quá trình phát triển hệ thống giao thông;

c) Tăng cường năng lực hướng dẫn, kiểm tra, giám sát thực hiện các quy định về giao thông tiếp cận để người khuyết tật có thể tiếp cận, sử dụng;

d) Xây dựng các tuyến mẫu và nhân rộng các xe vận tải hành khách công cộng để người khuyết tật tham gia giao thông;

e) Khảo sát, đánh giá thực trạng đảm bảo tiếp cận của hệ thống giao thông công cộng và nhu cầu tham gia giao thông của người khuyết tật phục vụ cho việc xây dựng chiến lược giao thông tiếp cận đến năm 2030, định hướng đến năm 2050.

7.2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện: Bộ Giao thông vận tải, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, các cơ quan liên quan và địa phương.

7.3. Thời gian thực hiện: Từ năm 2024 đến năm 2030.

8. Trợ giúp tiếp cận và sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông

8.1. Nội dung thực hiện

a) Xây dựng và ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trợ giúp người khuyết tật tiếp cận công nghệ thông tin và truyền thông;

b) Duy trì, phát triển, nâng cấp các cổng/trang tin điện tử hỗ trợ người khuyết tật;

c) Phát triển các công cụ, sản xuất tài liệu phục vụ đào tạo người khuyết tật tiếp cận và sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông; phát triển các hệ thống, giải pháp giáo dục, đào tạo trực tuyến dành cho người khuyết tật bao gồm giáo dục văn hóa phổ thông các cấp và đào tạo nghề;

d) Nghiên cứu phát triển các công nghệ hỗ trợ người khuyết tật tiếp cận công nghệ thông tin và truyền thông; nghiên cứu phát triển các công nghệ hỗ trợ người khuyết tật hòa nhập cộng đồng và nâng cao chất lượng cuộc sống của người khuyết tật.

8.2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện: Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, các cơ quan liên quan và địa phương.

8.3. *Thời gian thực hiện:* Hàng năm.

9. Trợ giúp pháp lý

9.1. Nội dung thực hiện

a) Tăng cường thực hiện hoạt động trợ giúp pháp lý tại xã, phường, thị trấn nơi có nhiều người khuyết tật có khó khăn về tài chính và người khuyết tật thuộc diện được trợ giúp pháp lý khác có nhu cầu trợ giúp pháp lý, tại Hội người khuyết tật, các cơ sở bảo trợ xã hội, trường học, cơ sở sản xuất kinh doanh và các tổ chức khác của người khuyết tật khi có yêu cầu và phù hợp với điều kiện của địa phương;

b) Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, tăng cường năng lực cho đội ngũ người thực hiện trợ giúp pháp lý khi thực hiện trợ giúp pháp lý đối với người khuyết tật có khó khăn về tài chính và người khuyết tật thuộc diện được trợ giúp pháp lý khác;

c) Truyền thông về trợ giúp pháp lý đối với người khuyết tật có khó khăn về tài chính và người khuyết tật thuộc diện được trợ giúp pháp lý khác thông qua các hoạt động thích hợp.

9.2. *Trách nhiệm tổ chức thực hiện:* Bộ Tư pháp, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, các cơ quan liên quan và địa phương.

9.3. *Thời gian thực hiện:* Hàng năm.

10. Hỗ trợ người khuyết tật trong hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch

10.1. Nội dung thực hiện

a) Hướng dẫn các tỉnh, thành phố thành lập và phát triển hệ thống câu lạc bộ thể dục, thể thao người khuyết tật;

b) Hoàn thiện và phát triển 15 môn thể thao dành cho người khuyết tật tập luyện, thi đấu;

c) Hướng dẫn các tỉnh, thành phố chỉ đạo hệ thống thư viện trên địa bàn hình thành môi trường đọc thân thiện, đa dạng hóa các dịch vụ và sản phẩm thông tin, thư viện và các điều kiện để hỗ trợ người khuyết tật;

d) Tăng cường ứng dụng công nghệ để người khuyết tật có thể nắm được thông tin về các điểm tham quan du lịch, nhà hàng, khách sạn, phương tiện và mức độ tiếp cận các điểm này với người khuyết tật;

đ) Xây dựng tiêu chuẩn chế độ đối với người khuyết tật tham gia tập luyện và thi đấu thể thao trong nước và ngoài nước; tập huấn nghiệp vụ chuyên môn về lĩnh vực thể dục thể thao người khuyết tật cho các đối tượng: Trọng tài, huấn luyện viên, bác sỹ khám phân loại thương tật, hướng dẫn viên, cán bộ hội người khuyết tật; tập huấn sáng tác hội họa, âm nhạc, thơ ca cho người khuyết tật; tập huấn nghiệp vụ cho các hướng dẫn viên chuyên biệt về kỹ năng, phương pháp hỗ trợ người khuyết tật khi tham gia các hoạt động du lịch.

10.2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban Paralympic Việt Nam, các cơ quan liên quan và địa phương.

10.3. Thời gian thực hiện: Từ năm 2024 đến năm 2030.

11. Trợ giúp phụ nữ khuyết tật

11.1. Nội dung thực hiện

a) Vận động, thực hiện chính sách liên quan tới phụ nữ khuyết tật (rà soát, đánh giá đề xuất chính sách; nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu phân tích; truyền thông, giáo dục, vận động nâng cao nhận thức cộng đồng; tăng cường lồng ghép giới trong các chương trình về người khuyết tật; nâng cao năng lực cán bộ Hội các cấp trong hỗ trợ phụ nữ khuyết tật...);

b) Triển khai các hoạt động nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho phụ nữ khuyết tật (nâng cao kiến thức, kỹ năng; phát triển mạng lưới; chia sẻ kinh nghiệm; các hoạt động an sinh xã hội; rà soát, đánh giá các mô hình hiện có và thí điểm một số mô hình/hoạt động mới...);

c) Tăng cường phối hợp liên ngành trong các hoạt động hỗ trợ phụ nữ khuyết tật.

11.2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, các cơ quan liên quan và địa phương.

11.3. Thời gian thực hiện: Hàng năm.

12. Hỗ trợ người khuyết tật sống độc lập và hòa nhập cộng đồng

12.1. Nội dung thực hiện

a) Vận động nguồn lực hỗ trợ nâng cấp một số cơ sở sản xuất, cung cấp các trang thiết bị, dụng cụ trợ giúp đối với người khuyết tật;

b) Hỗ trợ người khuyết tật: xe lăn, xe lắc, khung tập đi, gậy, máy trợ thính, chân giả, tay giả và các thiết bị cần thiết;

c) Xây dựng tài liệu và tổ chức đào tạo, tập huấn phát hiện, sàng lọc, tư vấn sử dụng, bảo quản thiết bị trợ giúp người khuyết tật cho cán bộ trợ giúp người khuyết tật, gia đình và người khuyết tật;

d) Xây dựng mô hình “cây gậy trắng” chỉ dẫn thông minh đối với người khiếm thị và mô hình sống độc lập và hòa nhập cộng đồng (khảo sát đánh giá nghiên cứu, tập huấn sử dụng cây gậy trắng, tập huấn tiếp cận các chính sách, vận động nguồn lực, kết nối dạy nghề, việc làm, hỗ trợ sinh kế, v.v...).

12.2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Cục Bảo trợ xã hội, Hội người mù, các tổ chức của người khuyết tật, các cơ quan liên quan và địa phương.

12.3. Thời gian thực hiện: Từ năm 2024 đến năm 2030.

13. Nâng cao nhận thức, năng lực chăm sóc, hỗ trợ người khuyết tật và giám sát đánh giá

13.1. Nội dung thực hiện

a) Xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo, tập huấn trong lĩnh vực chăm sóc, hỗ trợ người khuyết tật;

b) Đào tạo, tập huấn cho cán bộ, nhân viên và cộng tác viên trợ giúp người khuyết tật;

c) Tập huấn cho gia đình người khuyết tật về kỹ năng, phương pháp chăm sóc và phục hồi chức năng cho người khuyết tật; tập huấn các kỹ năng sống cho người khuyết tật;

d) Nghiên cứu kinh nghiệm trợ giúp người khuyết tật của các nước;

đ) Nâng cao năng lực công tác thống kê, thực hiện lồng ghép hoặc tổ chức điều tra, khảo sát thống kê chuyên đề về người khuyết tật; xây dựng phần mềm đăng ký và quản lý thông tin về người khuyết tật;

e) Kiểm tra, giám sát đánh giá thực hiện Đề án và các chính sách, pháp luật đối với người khuyết tật.

13.2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Cục Bảo trợ xã hội), các cơ quan liên quan và địa phương.

13.3. Thời gian thực hiện: Hàng năm.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

1. Kinh phí thực hiện bao gồm:

a) Ngân sách nhà nước được bố trí từ dự toán chi thường xuyên hàng năm của các Bộ, ngành cơ quan Trung ương và các địa phương; các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, đề án liên quan khác để thực hiện các hoạt động của Chương trình theo phân cấp của pháp luật về ngân sách nhà nước;

b) Đóng góp, hỗ trợ của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

2. Các Bộ, ngành và địa phương lập dự toán ngân sách hàng năm để thực hiện Chương trình và quản lý, sử dụng kinh phí theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Các Bộ, ngành, các cơ quan có liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ được giao, triển khai thực hiện hiệu quả, thực chất nhiệm vụ, giải pháp đã được Thủ tướng Chính phủ phân công tại Quyết định số 1190/QĐ-TTg ngày 05/8/2020 gồm:

1.1. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội giao Cục Bảo trợ xã hội thực hiện nhiệm vụ:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu đánh giá tình hình, kết quả thực hiện và đề xuất hoàn thiện các chính sách, pháp luật về người

khuyết tật; xây dựng và nhân rộng mô hình sinh kế, xây dựng mô hình hỗ trợ khởi nghiệp cho người khuyết tật; mô hình “cây gậy trắng” chỉ dẫn thông minh đối với người khiếm thị hỗ trợ người khuyết tật sống độc lập, v.v...

b) Triển khai các hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức; khảo sát, đánh giá và thu thập thông tin về người khuyết tật; Nâng cao năng lực cho đội ngũ công chức, viên chức, các tổ chức của người khuyết tật và cộng tác viên làm công tác trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người người khuyết tật dựa vào cộng đồng, vay vốn ưu đãi, tiếp cận các nguồn lực để phát triển sản xuất, kỹ năng chăm sóc người khuyết tật, kỹ năng tìm việc làm.

c) Là đầu mối phối hợp các đơn vị chức năng chủ trì, kiểm tra giám sát và tổng hợp, định kỳ báo cáo, tổ chức sơ kết, tổng kết thực hiện Chương trình.

1.2. Các Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức hội có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao, xây dựng kế hoạch triển khai Chương trình; chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình theo quy định tại Quyết định số 1190/QĐ-TTg và Kế hoạch tổng thể triển khai Chương trình trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2021-2030.

1.3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xây dựng và phê duyệt kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện Chương trình tại địa phương; chủ động bố trí ngân sách, nhân lực để thực hiện Chương trình; định kỳ kiểm tra và báo cáo việc thực hiện Chương trình.

1.4. Đề nghị Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Liên minh hợp tác xã Việt Nam, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam, Liên hiệp hội về người khuyết tật Việt Nam, Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi Việt Nam, Hội người mù Việt Nam, Hiệp hội doanh nghiệp của Thương binh và người khuyết tật Việt Nam, Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin Việt Nam, Hội Cứu trợ trẻ em Việt Nam trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình tham gia tổ chức triển khai thực hiện Chương trình; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức về hỗ trợ người khuyết tật; tham gia xây dựng chính sách, pháp luật; giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về người khuyết tật.

2. Chế độ báo cáo

Các Bộ, ngành, cơ quan có liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ được giao báo cáo định kỳ về kết quả thực hiện Chương trình về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trước ngày 15 tháng 12 hàng năm và báo cáo đột xuất theo yêu cầu.

(Phụ lục các nhiệm vụ cụ thể phân công cho các Bộ, ngành và địa phương thực hiện Kế hoạch tổng thể thực hiện Chương trình được ban hành kèm theo Quyết định này)./.

BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Phụ lục

**MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH TỔNG THỂ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
TRỢ GIÚP NGƯỜI KHUYẾT TẬT GIAI ĐOẠN 2021-2030**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1257/QĐ-BLĐTBXH ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cấp trình	Sản phẩm hoàn thành	Thời gian trình
1	Trợ giúp y tế					
1.1	Nghiên cứu, xây dựng chính sách chi trả bảo hiểm y tế đối với người khuyết tật sử dụng dịch vụ phục hồi chức năng, dụng cụ phục hồi chức năng, công nghệ trợ giúp, thiết bị, vật liệu phục hồi chức năng, trang thiết bị y tế đặc thù cá nhân, gói dịch vụ y tế cơ bản và hoạt động phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng; xây dựng và triển khai Kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển hệ thống phục hồi chức năng giai đoạn 2023-2030, tầm nhìn 2050.	Bộ Y tế	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ trưởng	Báo cáo	2025-2026
1.2	Nghiên cứu sửa đổi Thông tư 34/2012/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 28/12/2012 của Bộ Y tế và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng giám định y khoa thực hiện; xây dựng Hướng dẫn hỗ trợ người khuyết tật khám chữa bệnh trong các cơ sở y tế.	Bộ Y tế	Bộ Lao động – Thương binh và Xã Hội (Cục Bảo trợ xã hội và các đơn vị liên quan)	Bộ trưởng	Thông tư	2025-2026
1.3	Nghiên cứu xây dựng, ban hành bổ sung tiêu chí chất lượng bệnh viện về phục hồi chức năng và khuyết tật vào Bộ tiêu chí chất lượng bệnh viện Việt Nam; đánh giá nghiên cứu hoàn thiện các quy định về chức năng,	Bộ Y tế	Bộ Lao động – Thương binh và Xã Hội (Cục Bảo trợ xã hội và các	Bộ trưởng	Quyết định	2025-2026

	nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức các cơ sở phục hồi chức năng.		đơn vị liên quan), địa phương			
1.4	Rà soát xây dựng và bổ sung danh mục kỹ thuật, quy trình kỹ thuật, hướng dẫn chuyên môn về phục hồi chức năng; hướng dẫn phục hồi chức năng đa chuyên ngành; cập nhật các kỹ thuật mới, phương pháp kỹ thuật mới trong phục hồi chức năng để cung cấp dịch vụ phục hồi chức năng chất lượng, hiệu quả cho người khuyết tật.	Bộ Y tế	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ trưởng	Quyết định	Hằng năm
1.5	Duy trì, củng cố, kiện toàn và phát triển các bệnh viện phục hồi chức năng hiện có; phát triển các trung tâm, khoa phục hồi chức năng của các cơ sở y tế tỉnh, huyện. Quan tâm đầu tư các bệnh viện phục hồi chức năng đầu ngành và khu vực theo quy hoạch; phát triển các cơ sở phục hồi chức năng ngoài công lập.	Bộ Y tế, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Cục Bảo trợ xã hội và các đơn vị liên quan)	Các bộ, ngành, địa phương	Cấp có thẩm quyền	Các lớp đào tạo, tập huấn, cơ sở	Hằng năm
1.6	Đào tạo, đào tạo lại cho cán bộ y tế xã phường, thị trấn về phục hồi chức năng và phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng phù hợp phạm vi hoạt động chuyên môn của y tế xã, phường, thị trấn.	Địa phương	Bộ Y tế, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (Cục Bảo trợ xã hội và đơn vị liên quan)	Cấp có thẩm quyền	Các lớp đào tạo, tập huấn	Hằng năm
1.7	Triển khai hoạt động phòng ngừa khuyết tật trước sinh và sơ sinh: triển khai sàng lọc trước sinh đối với các bà mẹ mang thai; sàng lọc sơ sinh đối với trẻ em sơ sinh tại tất cả các xã, phường, thị trấn.	Bộ Y tế	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ trưởng	Mô hình	2024-2030
1.8	Phát triển mạng lưới cung cấp dịch vụ can thiệp sớm khuyết tật, phục hồi chức năng, xông hơi giải độc.	Bộ Y tế; Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin Việt Nam	Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (Cục Bảo trợ xã hội và đơn vị liên quan)	Cấp có thẩm quyền	Mô hình	Hằng năm

1.9	Khám bệnh, điều trị ngoại trú, chăm sóc sức khỏe ban đầu; quản lý bệnh tật, phục hồi chức năng tại cấp khám, chữa bệnh ban đầu (trạm y tế xã, phường, thị trấn và trung tâm y tế huyện); cung cấp dịch vụ phục hồi chức năng toàn diện tại cấp khám, chữa bệnh cơ bản và chuyên sâu.	Bộ Y tế	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ trưởng	Tài liệu, hồ sơ	Hàng năm
1.10	Cập nhật, hoàn thiện tài liệu và hướng dẫn triển khai thực hiện chương trình phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng; đào tạo giảng viên TOT cho các tỉnh, thành phố; xây dựng mạng lưới thực hiện chương trình có Ban quản lý thực hiện từ Trung ương đến địa phương.	Bộ Y tế, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (Cục Bảo trợ xã hội và đơn vị liên quan)	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ trưởng	Tài liệu, đội ngũ giảng viên TOT	Hàng năm
1.11	Phát triển mạng lưới phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng và tổ chức triển khai thực hiện phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng tại địa phương.	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	Bộ Y tế, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, các bộ, ngành, địa phương	Cấp có thẩm quyền	Các lớp đào tạo, tập huấn	Hàng năm
1.12	Tổ chức Hội nghị, hội thảo, tập huấn nâng cao nhận thức cộng đồng về phòng ngừa khuyết tật, phát hiện sớm, can thiệp sớm và khả năng phục hồi của người khuyết tật, chuyên tuyến phù hợp đối với khuyết tật ở trẻ em.	Bộ Y tế	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ trưởng	Tài liệu	Hàng năm
1.13	Lập hồ sơ quản lý sức khỏe, phục hồi chức năng người khuyết tật theo quy định, kết nối với hệ thống thông tin quản lý sức khỏe cá nhân.	Bộ Y tế	Các bộ, ngành, địa phương	Cấp có thẩm quyền	Báo cáo, hồ sơ	Hàng năm
2	Trợ giúp giáo dục					
2.1	Nghiên cứu, đề xuất đưa vào chương trình công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật các văn bản	Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động –	Các bộ, ngành, địa phương	Cấp có thẩm quyền	Báo cáo	Hàng năm

	hướng dẫn thực hiện giáo dục đối với người khuyết tật đáp ứng nhu cầu đặt ra của thực tiễn; tiếp tục nghiên cứu phát triển ngôn ngữ kí hiệu cho người khuyết tật.	Thương binh và Xã hội (Cục Bảo trợ xã hội và đơn vị liên quan)				
2.2	Lập Quy hoạch, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện quy hoạch hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập theo Quyết định số 995/QĐ-TTg ngày 09/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ cho các Bộ tổ chức lập quy hoạch ngành quốc gia giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các bộ, ngành, địa phương	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định	2025
2.3	Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất ban hành chính sách ưu đãi đối với giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục và nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật tham gia giáo dục người khuyết tật; cơ chế, chính sách khuyến khích tổ chức, cá nhân thành lập trường, lớp dành cho người khuyết tật; nghiên cứu, đề xuất danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cho giáo dục học sinh khuyết tật.	Bộ Giáo dục và Đào tạo hội.	Các bộ, ngành, địa phương	Cấp có thẩm quyền	Báo cáo	Hàng năm
2.4	Nghiên cứu, phát triển khung nội dung kỹ năng đặc thù đối với các dạng tật cơ bản; nghiên cứu, xây dựng tài liệu hướng dẫn việc xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân cho học sinh khuyết tật đối với một số dạng tật cơ bản	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các bộ, ngành, địa phương	Cấp có thẩm quyền	Báo cáo	Hàng năm
2.5	Nguyên cứu, phát triển học liệu phục vụ công tác giáo dục đối với học sinh khuyết tật: chuyển đổi sách giáo khoa sang bản chữ nổi Braille phục vụ giáo dục người	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các bộ, ngành, địa phương	Cấp có thẩm quyền	Báo cáo	Hàng năm

	khuyết tật nhìn; phát triển hệ thống ngôn ngữ kí hiệu cho người khuyết tật nghe, nói.					
2.6	Đưa nội dung giáo dục hòa nhập vào các chương trình đào tạo giáo viên đối với các trường đại học, cao đẳng có đào tạo ngành sư phạm: Tiếp tục hướng dẫn các cơ sở giáo dục đại học có đào tạo giáo viên, các trường cao đẳng sư phạm đưa vào chương trình đào tạo giáo viên các modul về giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật và tích hợp các nội dung giáo dục hòa nhập vào chương trình đào tạo giáo viên.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các bộ, ngành, địa phương	Cấp có thẩm quyền	Các lớp đào tạo, tập huấn	Hàng năm
2.7	Xây dựng tài liệu và tổ chức tập huấn cho cốt cán các địa phương về việc hướng dẫn xây dựng nội dung giáo dục đối với học sinh khuyết tật bao gồm các nội dung về kiến thức văn hóa, nội dung về kỹ năng đặc thù; tiếp tục xây dựng tài liệu bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật.	Bộ Giáo dục và Đào tạo.	Các bộ, ngành, địa phương	Cấp có thẩm quyền	Các lớp đào tạo, tập huấn	Hàng năm
2.8	Xây dựng tài liệu Hướng dẫn và triển khai các mô hình giáo dục người khuyết tật tại các địa phương; thúc đẩy hoạt động hiệu quả Trung tâm Giáo dục đặc biệt Quốc gia; thúc đẩy việc thành lập trường, lớp dành cho người khuyết tật; trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập và Phòng hỗ trợ giáo dục hòa nhập trong các cơ sở giáo dục ở các địa phương.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (Cục Bảo trợ xã hội và đơn vị liên quan), Các bộ, ngành, địa phương	Cấp có thẩm quyền	Các lớp đào tạo, tập huấn; tài liệu hướng dẫn; mô hình	Hàng năm
2.9	Rà soát, cập nhật, quản lý dữ liệu về nhu cầu giáo dục của người khuyết tật vào phần mềm quản lý hệ thống hỗ trợ giáo dục người khuyết tật; tiếp tục hoàn thiện	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các bộ, ngành, địa phương	Cấp có thẩm quyền	Báo cáo	Hàng năm

	để đưa vào sử dụng phần mềm quản lý hệ thống hỗ trợ giáo dục người khuyết tật Việt Nam.					
3	Trợ giúp giáo dục nghề nghiệp, tạo việc làm và hỗ trợ sinh kế					
3.1	Nghiên cứu, rà soát, đánh giá các quy định về giáo dục nghề nghiệp cho đối tượng người khuyết tật trong Luật Giáo dục nghề nghiệp, Luật Việc làm, Luật người khuyết tật và một số văn bản quy phạm pháp luật khác; nghiên cứu xây dựng và sửa đổi các chính sách hỗ trợ giáo dục nghề nghiệp, việc làm và sinh kế đối với người khuyết tật phù hợp với thực tiễn.	Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (Cục Bảo trợ xã hội, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Cục Việc làm và đơn vị liên quan)	Các bộ, ngành, địa phương	Cấp có thẩm quyền	Báo cáo	Hàng năm
3.2	Hướng dẫn các Bộ, ngành, địa phương triển khai công tác đào tạo nghề cho người khuyết tật; chỉ đạo địa phương tiếp tục rà soát, cập nhật phê duyệt danh mục nghề đào tạo, định mức kinh tế kỹ thuật và định mức chi phí đào tạo cho các nghề tổ chức đào tạo cho người khuyết tật.	Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Cục Bảo trợ xã hội và đơn vị liên quan)	Các bộ, ngành, địa phương	Cấp có thẩm quyền	Văn bản hướng dẫn; báo cáo; các lớp đào tạo, tập huấn	Hàng năm
3.3	Khảo sát, đánh giá, thống kê các cơ sở đào tạo nghề cho người khuyết tật; nhu cầu về đào tạo nghề cho người khuyết tật ở địa phương.	Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (Cục Bảo trợ xã hội, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp và đơn vị liên quan)	Các bộ, ngành, địa phương	Cấp có thẩm quyền	Báo cáo	Hàng năm
3.4	Xây dựng kế hoạch và cân đối bố trí kinh phí tổ chức đào tạo nghề, tạo việc làm cho người khuyết tật và xây dựng chính sách về giáo dục nghề nghiệp cho người khuyết tật phù hợp với thực tiễn.	Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp và đơn vị liên quan)	Các bộ, ngành, địa phương	Cấp có thẩm quyền	Báo cáo	Hàng năm

3.5	Tổ chức đào tạo nghề theo hình thức giao nhiệm vụ và đặt hàng đào tạo nghề cho người khuyết tật.	Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp và đơn vị liên quan)	Các bộ, ngành, địa phương	Cấp có thẩm quyền	Các lớp đào tạo, tập huấn	Hàng năm
3.6	Tổ chức hội nghị, hội thảo và tập huấn, bồi dưỡng cho các cán bộ quản lý các cấp, các ngành từ trung ương đến địa phương, tổ chức của người khuyết tật, vì người khuyết tật; các Hội, Hiệp hội và các cơ sở đào tạo, doanh nghiệp, Hợp tác xã về tư vấn, hướng nghiệp, giới thiệu việc làm, hỗ trợ khởi nghiệp, các chính sách, các quy định về đào tạo nghề và tư vấn, tạo việc làm, vay vốn với lãi suất ưu đãi, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp v.v...	Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (Cục Bảo trợ xã hội và đơn vị liên quan)	Các bộ, ngành, địa phương	Cấp có thẩm quyền	Báo cáo	Hàng năm
3.7	Tổ chức các hoạt động giao dịch việc làm dành cho người khuyết tật; hội chợ sản phẩm của người khuyết tật, hợp tác xã của người khuyết tật, hợp tác xã sử dụng lao động là người khuyết tật nhằm hỗ trợ người khuyết tật tìm việc làm và tăng cường kết nối tiêu thụ sản phẩm nhân Ngày người khuyết tật Việt Nam (18/4) và Ngày quốc tế về người khuyết tật (3/3).	Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (Cục Bảo trợ xã hội, Liên minh hợp tác xã Việt Nam và đơn vị liên quan)	Các bộ, ngành, địa phương	Cấp có thẩm quyền	Báo cáo	Hàng năm
3.8	Nghiên cứu đánh giá tình hình thực hiện các mô hình hỗ trợ người khuyết tật, trên cơ sở đó đề xuất cơ chế chính sách và nhân rộng những mô hình thành công; hội nghị, hội thảo chia sẻ kinh nghiệm triển khai các mô hình, tài liệu hóa các mô hình thành công để phổ biến nhân rộng.	Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (Cục Bảo trợ xã hội và đơn vị liên quan)	Các bộ, ngành, địa phương	Cấp có thẩm quyền	Báo cáo, tài liệu	Hàng năm
3.9	Triển khai xây dựng mô hình hỗ trợ người khuyết tật khởi nghiệp; mô hình đào tạo nghề gắn với giải quyết	Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (Cục	Hội Người mù Việt Nam, Hội Bảo trợ	Cấp có thẩm quyền	Mô hình	Hàng năm

	việc làm đối với người khuyết tật; mô hình sinh kế; mô hình hợp tác xã có người khuyết tật tham gia chuỗi giá trị sản phẩm, v.v...	Bảo trợ xã hội; Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Cục Việc làm, Liên minh hợp tác xã Việt Nam và đơn vị liên quan)	người khuyết tật và trẻ mồ côi Việt Nam, Hội Cứu trợ trẻ em tàn tật Việt Nam; Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin Việt Nam; các bộ, ngành, địa phương			
3.10	Tổ chức đánh giá tình hình vay vốn ưu đãi của người khuyết tật và các cơ sở sản xuất, kinh doanh, Hợp tác xã sử dụng nhiều lao động là người khuyết tật; nghiên cứu đề xuất chính sách phù hợp với các nhóm khuyết tật; tổ chức tập huấn quy trình và thủ tục vay vốn; xây dựng các tài liệu cẩm nang vay vốn, tờ rơi vay vốn, v.v...	Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (Cục Bảo trợ xã hội, Ngân hàng chính sách xã hội, Liên minh hợp tác xã Việt Nam và đơn vị liên quan)	Các bộ, ngành, địa phương	Cấp có thẩm quyền	Báo cáo	Hàng năm
4	Phòng chống dịch bệnh và giảm nhẹ thiên tai					
4.1	Khảo sát đánh giá nhu cầu về nội dung và phương thức tập huấn và tổ chức tập huấn cho cán bộ làm công tác trợ giúp người khuyết tật, tổ chức của người khuyết tật, các cơ sở y tế, giáo dục hỗ trợ người khuyết tật và doanh nghiệp, hợp tác xã của người khuyết tật trong phòng chống thiên tai.	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Cục Bảo trợ xã hội và đơn vị liên quan)	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; các bộ, ngành, địa phương	Cấp có thẩm quyền	Báo cáo	Hàng năm
4.2	Nghiên cứu xây dựng tài liệu và tập huấn chuyên môn, đẩy mạnh các hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức về lồng ghép hòa nhập người khuyết tật trong phòng chống và giảm nhẹ thiên tai.	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Cục Bảo trợ xã hội và đơn vị liên quan)	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; các bộ, ngành, địa phương	Cấp có thẩm quyền	Báo cáo	Hàng năm
4.3	Nghiên cứu và đề xuất một số mô hình truyền thông, nâng cao nhận thức cho người khuyết tật và các bộ làm công tác trợ giúp người khuyết tật về phòng,	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Cục	Cấp có thẩm quyền	Báo cáo	Hàng năm

	chống thiên tai; mô hình hỗ trợ người khuyết tật tại các khu sơ tán, tránh trú thiên tai an toàn tại cộng đồng, v.v...		Bảo trợ xã hội), các bộ, ngành, địa phương			
4.4	Thực hiện thí điểm một số mô hình xã điển hình về thực hiện quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng trong phòng, chống thiên tai có sự tham gia của người khuyết tật và cán bộ làm công tác trợ giúp người khuyết tật.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Cục Bảo trợ xã hội), các bộ, ngành, địa phương	Cấp có thẩm quyền	Mô hình	Hàng năm
4.5	Rà soát, đánh giá nội dung, phương thức truyền tin, cảnh báo thiên tai cho người khuyết tật tại các địa phương.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Cục Bảo trợ xã hội), các bộ, ngành, địa phương	Cấp có thẩm quyền	Báo cáo	Hàng năm
4.6	Khuyến nghị và đề xuất nội dung, phương thức truyền thông tin cảnh báo sớm, thông tin chỉ đạo điều hành phòng chống thiên tai phù hợp với người khuyết tật đặc biệt đối với người khiếm thính và khiếm thị.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Cục Bảo trợ xã hội), các bộ, ngành, địa phương	Cấp có thẩm quyền	Báo cáo	Hàng năm
4.7	Thiết lập hệ thống cơ sở dữ liệu về quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng (trong đó có thông tin, cơ sở dữ liệu về người khuyết tật; thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra đối với người khuyết tật).	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Cục Bảo trợ xã hội), các bộ, ngành, địa phương	Cấp có thẩm quyền	Báo cáo	Hàng năm
5	Trợ giúp tiếp cận công trình xây dựng					
5.1	Phối hợp với các địa phương đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát thực hiện quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng công trình đảm bảo tiếp cận sử dụng; Chú trọng công tác cải tạo, bổ sung các giải pháp tiếp cận đối với các công trình xây dựng hiện hữu chưa đảm bảo tiếp cận sử dụng.	Bộ Xây dựng	Các bộ, ngành, địa phương	Cấp có thẩm quyền	Báo cáo	Hàng năm

5.2	Nghiên cứu điều chỉnh QCVN 10:2014/BXD theo hướng thiết kế phổ quát, đảm bảo tính khả thi đối với các công trình hiện hữu, công trình di tích đảm bảo người khuyết tật tiếp cận sử dụng.	Bộ Xây dựng	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ trưởng	Quyết định	2024
5.3	Đánh giá khả năng tiếp cận các công trình hiện hữu, công trình di tích; Nghiên cứu, biên soạn và phát hành Sổ tay hướng dẫn trợ giúp người khuyết tật tiếp cận các công trình hiện hữu, công trình di tích để hướng dẫn các địa phương áp dụng.	Bộ Xây dựng	Các bộ, ngành, địa phương	Cấp có thẩm quyền	Báo cáo	Hàng năm
5.4	Rà soát, bổ sung, chỉnh sửa, biên soạn và phát hành các tài liệu hướng dẫn thiết kế phổ quát; tài liệu kiểm tra (check list); giáo trình giảng dạy Thiết kế công trình đảm bảo tiếp cận đồng bộ với Quy chuẩn kỹ thuật về xây dựng công trình đảm bảo tiếp cận sử dụng (QCVN 10:2024/BXD).	Bộ Xây dựng	Các bộ, ngành, địa phương	Cấp có thẩm quyền	Tài liệu	Hàng năm
5.5	Tuyên truyền, tập huấn về xây dựng công trình đảm bảo tiếp cận sử dụng theo yêu cầu của QCVN 10:2024/BXD trong các công tác thẩm tra, thẩm định, nghiệm thu, thanh tra, kiểm tra trong hoạt động xây dựng tại các địa phương.	Bộ Xây dựng	Các bộ, ngành, địa phương	Cấp có thẩm quyền	Báo cáo	Hàng năm
5.6	Thúc đẩy các địa phương cập nhật số liệu về xây dựng công trình đảm bảo NKT tiếp cận sử dụng và đăng tải tin bài trên trang thông tin điện tử tại địa chỉ: nkt.xaydung.gov.vn .	Bộ Xây dựng	Các bộ, ngành, địa phương	Cấp có thẩm quyền	Báo cáo	Hàng năm
6	Trợ giúp tiếp cận và tham gia giao thông					
6.1	Hoàn thiện hệ thống cơ chế chính sách trợ giúp người khuyết tật trong hoạt động vận tải: Đánh giá thực trạng hoạt động quản lý nhà nước, quản lý doanh	Bộ Giao thông vận tải	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Cục	Cấp có thẩm quyền	Báo cáo	Hàng năm

	nghiệp đối với mô hình cung cấp dịch vụ vận tải cho hành khách là người khuyết tật; hoàn thiện khung thể chế chính sách để trợ giúp người khuyết tật tham gia giao thông; xây dựng quy định và hướng dẫn đối với các lĩnh vực trong việc trợ giúp người khuyết tật.		Bảo trợ xã hội), các bộ, ngành, địa phương			
6.2	Nghiên cứu xây dựng ban hành bộ tiêu chí giao thông tiếp cận phổ quát đối với hệ thống giao thông.	Bộ Giao thông vận tải	Các bộ, ngành, địa phương	Cấp có thẩm quyền	Báo cáo	Hàng năm
6.3	Khảo sát, đánh giá thực trạng đảm bảo tiếp cận của hệ thống giao thông công cộng bằng xe buýt; phân tích đánh giá nhu cầu tham gia giao thông công cộng bằng xe buýt của người khuyết tật.	Bộ Giao thông vận tải	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Cục Bảo trợ xã hội), các bộ, ngành, địa phương	Cấp có thẩm quyền	Báo cáo	Hàng năm
6.4	Khảo sát, đánh giá thực trạng đảm bảo tiếp cận giao thông trong lĩnh vực đường sắt; phân tích đánh giá nhu cầu tham gia giao thông đường sắt của người khuyết tật.	Bộ Giao thông vận tải	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Cục Bảo trợ xã hội), các bộ, ngành, địa phương	Cấp có thẩm quyền	Báo cáo	Hàng năm
6.5	Tuyên truyền, tập huấn về công tác kiểm tra giám sát các công trình giao thông công cộng đảm bảo tiếp cận tại các địa phương; biên soạn và xây dựng giáo trình hướng dẫn công tác kiểm tra giám sát các công trình giao thông công cộng đảm bảo tiếp cận; tổ chức tập huấn tại các địa phương kết hợp với kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện các quy định về giao thông tiếp cận đối với người khuyết tật.	Bộ Giao thông vận tải, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Cục Bảo trợ xã hội)	Các bộ, ngành, địa phương	Cấp có thẩm quyền	Báo cáo	Hàng năm
6.6	Khảo sát tuyến vận tải hành khách công cộng bằng đường bộ để thực hiện xây dựng tuyến mẫu; triển khai lựa chọn phương tiện, thiết bị hỗ trợ trên phương tiện vận tải hành khách công cộng vận hành trên tuyến	Bộ Giao thông vận tải	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Cục Bảo trợ xã hội), các bộ, ngành, địa phương	Cấp có thẩm quyền	Báo cáo	Hàng năm

	mẫu đảm bảo hỗ trợ cho người khuyết tật tiếp cận sử dụng.					
7	Trợ giúp tiếp cận và sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông					
7.1	Nghiên cứu, xây dựng và ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trợ giúp người khuyết tật tiếp cận công nghệ thông tin và truyền thông.	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các bộ, ngành, địa phương	Cấp có thẩm quyền	Báo cáo	Hàng năm
7.2	Tổ chức thực hiện việc duy trì, rà soát phát triển, nâng cấp các cổng/trang tin điện tử hỗ trợ người khuyết tật theo tiêu chuẩn, quy chuẩn đã ban hành.	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các bộ, ngành, địa phương	Cấp có thẩm quyền	Báo cáo	Hàng năm
7.3	Nghiên cứu, phát triển các công cụ, sản xuất tài liệu phục vụ đào tạo người khuyết tật tiếp cận và sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông; phát triển các hệ thống, giải pháp giáo dục, đào tạo trực tuyến dành cho người khuyết tật bao gồm giáo dục văn hoá phổ thông các cấp và đào tạo nghề.	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các bộ, ngành, địa phương	Cấp có thẩm quyền	Báo cáo	Hàng năm
7.4	Nghiên cứu phát triển các công nghệ hỗ trợ người khuyết tật tiếp cận công nghệ thông tin và truyền thông; nghiên cứu phát triển các công nghệ hỗ trợ người khuyết tật hoà nhập cộng đồng và nâng cao chất lượng cuộc sống; truyền thông, thúc đẩy chuyển giao, triển khai hiệu quả nghiên cứu, phát triển.	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các bộ, ngành, địa phương	Cấp có thẩm quyền	Báo cáo	Hàng năm
8	Trợ giúp pháp lý					
8.1	Thực hiện hoạt động trợ giúp pháp lý tại xã, phường, thị trấn nơi nhiều người khuyết tật có khó khăn về tài chính và người khuyết tật thuộc diện được trợ giúp pháp lý khác có nhu cầu trợ giúp pháp lý; tại Hội người khuyết tật, các cơ sở bảo trợ xã hội, trường học, cơ sở sản xuất kinh doanh và các tổ chức khác của	Bộ Tư pháp (Cục Trợ giúp pháp lý)	Hội Người mù Việt Nam, Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi Việt Nam, Hội Cứu trợ trẻ em tàn tật Việt Nam; Hội Nạn nhân chất độc da	Cấp có thẩm quyền	Báo cáo	Hàng năm

	người khuyết tật; khảo sát, đánh giá hội nghị, hội thảo để nâng cao năng lực hoạt động trợ giúp pháp lý cho người khuyết tật có khó khăn về tài chính và người khuyết tật thuộc diện được trợ giúp pháp lý khác.		cam/dioxin Việt Nam; các bộ, ngành, địa phương			
8.2	Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, tăng cường năng lực cho đội ngũ trợ giúp viên pháp lý, người thực hiện trợ giúp pháp lý, viên chức làm công tác trợ giúp pháp lý tại các Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước và những người có liên quan đến công tác trợ giúp pháp lý cho người khuyết tật thuộc diện được trợ giúp pháp lý, các tổ chức của và vì người khuyết tật.	Bộ Tư pháp (Cục Trợ giúp pháp lý)	Hội Người mù Việt Nam, Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi Việt Nam, Hội Cứu trợ trẻ em tàn tật Việt Nam; Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin Việt Nam; các bộ, ngành, địa phương	Cấp có thẩm quyền	Các lớp đào tạo, tập huấn	Hàng năm
8.3	Truyền thông về trợ giúp pháp lý đối với người khuyết tật có khó khăn về tài chính và người khuyết tật thuộc diện được trợ giúp pháp lý khác thông qua các hoạt động thích hợp, theo hướng đa dạng về phương thức và phong phú về nội dung, hình thức truyền thông.	Bộ Tư pháp (Cục Trợ giúp pháp lý)	Hội Người mù Việt Nam, Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi Việt Nam, Hội Cứu trợ trẻ em tàn tật Việt Nam; Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin Việt Nam; các bộ, ngành, địa phương	Cấp có thẩm quyền	Báo cáo	Hàng năm
9	Hỗ trợ người khuyết tật trong hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch					
9.1	Rà soát các quy định và thực trạng việc thành lập và phát triển hệ thống câu lạc bộ thể dục, thể thao người khuyết tật, kiến nghị để phát triển câu lạc bộ thể dục, thể thao người khuyết tật; tuyên truyền và tập huấn nâng cao năng lực phát triển hệ thống câu lạc bộ thể dục, thể thao người khuyết tật; xây dựng thí điểm câu	Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch và Ủy ban Paralympic Việt Nam	Các bộ, ngành, địa phương	Cấp có thẩm quyền	Báo cáo	Hàng năm

	lạc bộ thể dục, thể thao người khuyết tật ở một số tỉnh, thành phố.					
9.2	Tổ chức các giải thi đấu thể thao người khuyết tật cấp khu vực, vùng, miền, toàn quốc nhằm tuyển chọn, tập huấn các vận động viên có thành tích xuất sắc ở các môn thể thao để tham dự các giải thi đấu thể thao quốc tế; tổ chức các Chương trình đi bộ vì người khuyết tật, thể thao vì người khuyết tật, lễ vinh danh các vận động viên xuất sắc, v.v... nhân Ngày người khuyết tật Việt Nam (18/4) và Ngày quốc tế về người khuyết tật (3/3).	Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch và Ủy ban Paralympic Việt Nam	Các bộ, ngành, địa phương	Cấp có thẩm quyền	Báo cáo	Hàng năm
9.3	Rà soát, khảo sát, đánh giá thực trạng các môn thể thao dành cho người khuyết tật tập luyện, thi đấu tại Việt Nam, khu vực và thế giới.	Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch và Ủy ban Paralympic Việt Nam)	Các bộ, ngành, địa phương	Cấp có thẩm quyền	Báo cáo	Hàng năm
9.4	Nghiên cứu, xây dựng triển khai thí điểm môn thể thao phù hợp với các vùng, miền; sơ kết đánh giá và nhân rộng môn thể thao thể mạnh dành cho người khuyết tật tập luyện, thi đấu tại Việt Nam.	Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch và Ủy ban Paralympic Việt Nam	Các bộ, ngành, địa phương	Cấp có thẩm quyền	Mô hình	Hàng năm
9.5	Tuyên truyền, tập huấn, phát triển các môn thể thao dành cho người khuyết tật tập luyện, thi đấu tại Việt Nam.	Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch và Ủy ban Paralympic Việt Nam)	Các bộ, ngành, địa phương	Cấp có thẩm quyền	Báo cáo	Hàng năm
9.6	Tổ chức các hội nghị, hội thảo, tập huấn có nội dung về việc nâng cao khả năng, kỹ năng phục vụ người khuyết tật trong các thư viện công cộng các cấp; tuyên truyền về giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình, phòng, chống bạo lực gia đình và giáo dục đời sống gia đình trên các phương tiện truyền thông đại chúng.	Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch.	Hội Người mù Việt Nam, Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi Việt Nam, Hội Cứu trợ trẻ em tàn tật Việt Nam; Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin Việt Nam;	Cấp có thẩm quyền	Các lớp đào tạo, tập huấn	Hàng năm

			các bộ, ngành, địa phương			
9.7	Tăng cường ứng dụng công nghệ để người khuyết tật có thể nắm được thông tin về các điểm tham quan du lịch, nhà hàng, khách sạn, phương tiện và mức độ tiếp cận các điểm này với người khuyết tật.	Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch	Các bộ, ngành, địa phương	Cấp có thẩm quyền	Báo cáo	Hàng năm
9.8	Xây dựng tiêu chuẩn chế độ đối với người khuyết tật tham gia thi đấu thể thao trong nước và ngoài nước; tập huấn nghiệp vụ chuyên môn trọng tài, huấn luyện viên, bác sỹ khám phân loại thương tật và các vận động viên tham gia thi đấu các giải; tập huấn sáng tác hội họa, âm nhạc, thơ ca cho người khuyết tật; tập huấn nghiệp vụ cho các hướng dẫn viên chuyên biệt về kỹ năng, phương pháp hỗ trợ người khuyết tật khi tham gia các hoạt động du lịch.	Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch	Các bộ, ngành, địa phương	Cấp có thẩm quyền	Các lớp đào tạo, tập huấn	Hàng năm
10	Trợ giúp phụ nữ khuyết tật					
10.1	Thực hiện các nghiên cứu rà soát, đánh giá luật pháp, chính sách để đề xuất chính sách cụ thể liên quan tới phụ nữ khuyết tật; tổ chức các hội thảo chia sẻ kinh nghiệm, vận động chính sách hỗ trợ phụ nữ khuyết tật nói riêng và phụ nữ yếu thế nói chung.	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Cục Bảo trợ xã hội và đơn vị liên quan, Vụ Bình đẳng giới), Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam.	Các bộ, ngành, địa phương	Cấp có thẩm quyền	Báo cáo	Hàng năm
10.2	Nghiên cứu và đề xuất xây dựng cơ sở dữ liệu phân tách giới về người khuyết tật trong các số liệu thống kê quốc gia.	Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, các bộ, ngành, địa phương	Cấp có thẩm quyền	Báo cáo	Hàng năm
10.3	Truyền thông nâng cao nhận thức của các cấp Hội, phụ nữ, cộng đồng về chủ trương, pháp luật, chính sách, dịch vụ liên quan tới người khuyết tật và an sinh xã hội đối với phụ nữ yếu thế.	Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (Cục Bảo trợ xã hội), các địa phương	Cấp có thẩm quyền	Báo cáo	Hàng năm

10.4	Tổ chức các hoạt động tập huấn, nâng cao năng lực cho cán bộ Hội các cấp về công tác hỗ trợ phụ nữ khuyết tật	Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam.	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (Cục Bảo trợ xã hội), các địa phương	Cấp có thẩm quyền	Báo cáo	Hàng năm
10.5	Tuyên truyền, tập huấn nâng cao kiến thức, kỹ năng của phụ nữ khuyết tật trên các mảng lĩnh vực như: chăm sóc sức khỏe, phát triển sinh kế bền vững, khởi nghiệp... với hình thức phong phú như trực tiếp tại địa bàn, trực tuyến, trên các phương tiện truyền thông, qua tờ rơi, áp phích, lồng ghép trong các kỳ sinh hoạt hội viên.	Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam.	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (Cục Bảo trợ xã hội), các bộ, ngành, địa phương	Cấp có thẩm quyền	Báo cáo	Hàng năm
10.6	Phát triển mạng lưới quốc gia hỗ trợ phụ nữ và trẻ em gái khuyết tật bị bạo lực trên cơ sở giới tại 63 tỉnh/thành.	Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam.	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, các bộ, ngành, địa phương	Cấp có thẩm quyền	Báo cáo	Hàng năm
10.7	Tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, giao lưu chia sẻ kinh nghiệm, đối thoại chính sách để lắng nghe tiếng nói của phụ nữ khuyết tật, tăng cường kết nối và biểu dương gương điển hình phụ nữ khuyết tật.	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Cục Bảo trợ xã hội và đơn vị liên quan, Vụ Bình đẳng giới), Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam.	Các bộ, ngành, địa phương	Cấp có thẩm quyền	Báo cáo	Hàng năm
10.8	Triển khai các hoạt động an sinh xã hội cho phụ nữ khuyết tật như hỗ trợ đóng bảo hiểm; xây nhà tiêu hợp vệ sinh phù hợp với người khuyết tật; hỗ trợ tiếp cận nguồn vốn phát triển kinh tế; thăm khám sức khỏe, cấp thuốc miễn phí...	Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam.	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, các bộ, ngành, địa phương	Cấp có thẩm quyền	Báo cáo	Hàng năm
10.9	Rà soát, đánh giá các mô hình hỗ trợ phụ nữ khuyết tật, của phụ nữ khuyết tật hiện có để tư liệu hoá, truyền thông và nhân rộng các mô hình phù hợp (mô hình “Phụ nữ khuyết tật khởi nghiệp”, “Hỗ trợ sinh	Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam.	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (Cục Bảo trợ xã hội), các bộ, ngành, địa phương	Cấp có thẩm quyền	Báo cáo	Hàng năm

	kế cho phụ nữ khuyết tật”, “Phụ nữ khuyết tật tự lực vượt khó”...). Nghiên cứu xây dựng các mô hình mới phù hợp với từng đối tượng phụ nữ khuyết tật tại từng địa bàn.					
10.10	Thí điểm tổ chức một số mô hình/ hoạt động: kết nối các cặp đôi người khuyết tật có nhu cầu tìm được hạnh phúc trong cuộc sống; hội chợ việc làm cho phụ nữ khuyết tật; hội chợ giới thiệu sản phẩm cho phụ nữ khuyết tật; diễn đàn làm cha mẹ dành riêng cho phụ huynh có con là trẻ khuyết tật; tổ chức Hội nghị biểu dương phụ nữ khuyết tật tiêu biểu, v.v...	Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam; Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (Cục Bảo trợ xã hội),	Các bộ, ngành, địa phương	Cấp có thẩm quyền	Mô hình	Hàng năm
10.11	Tổ chức hội thảo, tọa đàm chia sẻ kinh nghiệm trong công tác hỗ trợ phụ nữ khuyết tật giữa các bộ, ngành, đoàn thể, địa phương	Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam.	Các bộ, ngành, đoàn thể, địa phương	Cấp có thẩm quyền	Báo cáo	Định kì theo đề xuất
11	Hỗ trợ người khuyết tật sống độc lập và hòa nhập cộng đồng					
11.1	Xây dựng tài liệu và tổ chức đào tạo, tập huấn phát hiện, sàng lọc, tư vấn sử dụng, bảo quản thiết bị trợ giúp người khuyết tật cho cán bộ trợ giúp người khuyết tật, gia đình và người khuyết tật.	Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (Cục Bảo trợ xã hội và đơn vị liên quan)	Hội Người mù Việt Nam, Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi Việt Nam, Hội Cứu trợ trẻ em tàn tật Việt Nam; Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin Việt Nam; các bộ, ngành, địa phương	Cấp có thẩm quyền	Các lớp đào tạo, tập huấn	Hàng năm
11.2	Xây dựng mô hình “cây gậy trắng” chỉ dẫn thông minh đối với người khiếm thị và mô hình sống độc lập và hòa nhập cộng đồng (khảo sát đánh giá nghiên cứu, tập huấn sử dụng cây gậy trắng, tập huấn tiếp	Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (Cục Bảo trợ xã hội), Hội Người mù Việt Nam và	Các bộ, ngành, địa phương	Cấp có thẩm quyền	Các lớp đào tạo, tập huấn, hỗ	Hàng năm

	cận các chính sách, vận động nguồn lực, kết nối dạy nghề việc làm, hỗ trợ sinh kế, v.v...).	các tổ chức của người khuyết tật			trợ trực tiếp cho NKT.	
12	Nâng cao nhận thức, năng lực chăm sóc, hỗ trợ người khuyết tật và giám sát đánh giá					
12.1	Phối hợp với các cơ quan truyền thông xây dựng các phim phóng sự truyền hình chân dung điển hình trợ giúp người khuyết tật thành công để phát trên Đài truyền hình Việt Nam; các số chuyên đề, tin, bài đăng trên một số báo, tạp chí để tuyên truyền về công tác triển khai thực hiện các chương trình, đề án, chính sách trợ giúp người khuyết tật.	Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (Cục Bảo trợ xã hội và đơn vị liên quan)	Hội Người mù Việt Nam, Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi Việt Nam, Hội Cứu trợ trẻ em tàn tật Việt Nam; Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin Việt Nam; Các bộ, ngành, địa phương	Bộ trưởng	Kế hoạch, sản phẩm truyền thông	Hàng năm
12.2	Biên soạn, phát hành bằng hình thức phù hợp tài liệu truyền thông nhằm giám định kiến, kỳ thị đối với người khuyết tật; tập huấn hướng dẫn truyền thông về người khuyết tật.	Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (Cục Bảo trợ xã hội và đơn vị liên quan)	Hội Người mù Việt Nam, Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi Việt Nam, Hội Cứu trợ trẻ em tàn tật Việt Nam; Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin Việt Nam Các bộ, ngành, địa phương	Bộ trưởng	Kế hoạch, sản phẩm truyền thông	Hàng năm
12.3	Tổ chức các hoạt động nhân dịp kỷ niệm Ngày người khuyết tật Việt Nam (18/4) và Ngày người khuyết tật thế giới (3/12); tổ chức Diễn đàn lắng nghe tiếng nói của người khuyết tật hàng năm v.v...; phát hiện, biểu dương, tuyên truyền sâu rộng trong xã hội những tấm gương tiêu biểu về người khuyết tật, công tác trợ giúp người khuyết tật.	Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (Cục Bảo trợ xã hội và đơn vị liên quan)	Hội Người mù Việt Nam, Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi Việt Nam, Hội Cứu trợ trẻ em tàn tật Việt Nam; Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin Việt Nam;	Bộ trưởng	Chương trình	Hàng năm

			Các bộ, ngành, địa phương			
12.4	Xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo, tập huấn trong lĩnh vực chăm sóc, hỗ trợ người khuyết tật: đào tạo, tập huấn cho cán bộ, nhân viên và cộng tác viên trợ giúp người khuyết tật; tập huấn cho gia đình người khuyết tật về kỹ năng, phương pháp chăm sóc và phục hồi chức năng cho người khuyết tật; tập huấn các kỹ năng sống cho người khuyết tật.	Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (Cục Bảo trợ xã hội và đơn vị liên quan)	Hội Người mù Việt Nam, Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi Việt Nam, Hội Cứu trợ trẻ em tàn tật Việt Nam; Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin Việt Nam; Các bộ, ngành, địa phương	Cấp có thẩm quyền	Các lớp đào tạo, tập huấn	Hàng năm
12.5	Nghiên cứu kinh nghiệm trợ giúp người khuyết tật của các nước.	Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (Cục Bảo trợ xã hội, Vụ Hợp tác quốc tế và đơn vị liên quan)	Các bộ, ngành, địa phương	Cấp có thẩm quyền	Báo cáo	Hàng năm
12.5	Nâng cao năng lực công tác thống kê, thực hiện lồng ghép hoặc tổ chức điều tra, khảo sát thống kê chuyên đề về người khuyết tật; xây dựng phần mềm đăng ký và quản lý thông tin về người khuyết tật.	Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (Cục Bảo trợ xã hội và đơn vị liên quan)	Các bộ, ngành, địa phương	Cấp có thẩm quyền	Báo cáo	Hàng năm
13	Kiểm tra, giám sát, báo cáo, sơ kết, tổng kết thực hiện Chương trình					
13.1	Kiểm tra, giám sát và tổng hợp, định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ; tổ chức sơ kết, tổng kết thực hiện Chương trình	Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (Cục Bảo trợ xã hội và đơn vị liên quan)	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ trưởng	Báo cáo	Định kỳ, hằng năm